TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6-QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/DS-ST
Ngày: 29-9-2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Văn Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Vũ, ông Trần Thanh Hoài

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6-Quảng Ngãi (Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ cũ), mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N1. Địa chỉ: Số B L, phường G, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Ngọc T - Giám đốc Ngân hàng A Chi nhánh B (theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc - Ngân hàng N2 và PTNNVN "V/v: Ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án").

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thế V1 - Phó Giám đốc Ngân hàng A Chi nhánh B (Theo Giấy ủy quyền số 04/QĐ-NHNo.BT ngày 16/01/2023) (Có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Phạm Văn Á, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi (địa chỉ trước sáp nhập là thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi) (Có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Chí K - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; địa chỉ

trụ sở làm việc: Số F đường P, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi (địa chỉ trước sáp nhập là thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi) (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 01 năm 2025 và quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng N1 (sau đây gọi tắt là A) trình bày:

Ngày 12/05/2017, A ký hợp đồng tín dụng số 4509LAV201700927 với ông Phạm Văn Á. Trên cơ sở hợp đồng này, ngày 22/05/2018, ông Á ký giấy nhận nợ số 4509LDS201800793 để vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Mục đích vay: trồng keo. Thời hạn vay: 24 tháng kể từ ngày 22/05/2018. Lãi suất tại thời điểm vay: 10,5%/năm. Việc ông Á vay vốn tại Ngân hàng đã được bà Phạm Thị N ủy quyền.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Á và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn. Đến ngày 29/9/2025, tình hình dư nợ như sau: Nợ gốc: 98.000.000 đồng (Chín mươi tám triệu đồng chẵn); nợ lãi quá hạn: 92.182.807 đồng. Tổng cộng: 190.182.807đồng.

Khoản vay trên không có tài sản bảo đảm, được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Mặc dù A Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi (nay là A Chi nhánh B, Quảng Ngãi đã nhiều lần liên hệ, làm việc, yêu cầu ông Á và bà N thanh toán khoản nợ đến hạn, nhưng ông bà chỉ hứa hẹn, không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng cũng như trong các biên bản làm việc với ngân hàng. Nay A yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Phạm Văn Á và bà Phạm Thị N phải trả cho A toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2025 là 190.182.807đồng, (trong đó: Nợ gốc: 98.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 92.182.807 đồng) và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4509LAV201700927, kể từ ngày 30/9/2025 cho đến ngày ông Phạm Văn Á và bà Phạm Thị N trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N1.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Văn Á, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N cùng trình bày:

Vào ngày 12/5/2017 ông Á và bà Phạm Thị N thống nhất ký hợp đồng tín dụng số 4509LAV201700927 với A Chi nhánh huyện B (nay là A Chi nhánh B)

vay số tiền 100.000.000đồng, lãi suất 10,5%/năm; thời hạn vay 24 tháng; mục đích vay để trồng keo phát triển kinh tế của vợ chồng. Sau khi vay từ ngày 22/5/2018 đến ngày 14/6/2019 ông Á trả cho Ngân hàng 2.000.000đồng tiền gốc và từ ngày 22/5/2018 đến ngày 27/5/2019 ông Á trả cho Ngân hàng 10.679.218 đồng tiền lãi. Từ sau ngày 14/6/2019 ông Á, bà N không trả cho Ngân hàng khoản tiền gốc nào và từ sau ngày 27/5/2019 ông Á, bà N cũng không trả cho ngân hàng khoản tiền lãi nào. Nguyên nhân là do kinh tế của ông Á, bà N gặp khó khăn nên không có tiền trả gốc, lãi cho Ngân hàng dẫn đến vi phạm hợp đồng tín dụng.

Nay A yêu cầu ông Á, bà N phải trả cho A số tiền tính đến ngày 13/01/2025 là 180.175.877 đồng (trong đó, nợ gốc: 98.000.000đồng, nợ lãi 82.175.877đồng) và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4509LAV 201700927 ngày 12/5/2017 kể từ ngày 14/01/2025 cho đến ngày thực tế ông Phạm Văn Á và bà Phạm Thị N trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N1 thì ông Phạm Văn Á và bà Phạm Thị N đồng ý trả nợ cho A.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập thấp nên ông Phạm Văn Á vi phạm hợp đồng tín dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N1 (A) – Chi nhánh B với ông Phạm Văn Á và bà Phạm Thị N. Quan hệ pháp luật này được điều chỉnh bởi các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Văn Á, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N có đơn xin vắng mặt; căn cứ theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Hợp đồng tín dụng số 4509LAV201700927 ngày 12/05/2017 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp về hình thức và nội dung. Ông Á và bà N đã nhận số tiền vay 100.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 4509LDS201800793 ngày 22/05/2018. Đến ngày 29/9/2025, bị đơn còn dư nợ gốc 98.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 92.182.807 đồng, tổng cộng 190.182.807đồng. Bị đơn không thanh toán đúng hạn, vi phạm nghĩa vụ hợp đồng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của A buộc bị đơn thanh toán số tiền nêu trên là có căn cứ, phù hợp với Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

[4] Về lãi suất sau ngày 29/9/2025: Lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng là 10,5%/năm, phù hợp quy định pháp luật. Vì vậy, kể từ ngày 30/9/2025, ông Á và bà N phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả xong, theo mức lãi suất đã thỏa thuận.

[5] Về án phí: Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp có giá ngạch là 5% giá trị nghĩa vụ phải thực hiện. Giá trị nghĩa vụ trong vụ án này là 190. 182.807đồng, án phí là 9.509.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, ông Phạm Văn Á và bà Phạm Thị N phải liên đới chịu toàn bộ án phí này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017);Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N1 (A).

2. Buộc ông Phạm Văn Á và bà Phạm Thị N phải liên đới trả cho Ngân hàng N1 số tiền 190.182.807đồng (*Một trăm chín mươi triệu một trăm tám mươi hai ngàn tám trăm không bảy đồng*); trong đó: Nợ gốc: 98.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 92.182.807 đồng.

3. Kể từ ngày 30/9/2025, ông Phạm Văn Á và bà Phạm Thị N còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 4509LAV201700927, cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số nợ.

4. Về án phí: Ông Phạm Văn Á và bà Phạm Thị N phải liên đới chịu 9.509.000 đồng (Chín triệu năm trăm không chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N1 (A) không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N1 thông qua người được ủy quyền lại là ông Nguyễn Thế V1- Phó Giám đốc Ngân hàng N1 Chi nhánh B số tiền tạm ứng án phí 4.504.000đồng (*Bốn triệu năm trăm không bốn ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004838 ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu

vực 6 – Quảng Ngãi).

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

6. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án có quyền thỏa thuận, yêu cầu thi hành án, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 6-Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Ngoan